

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

*“V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Tố Uyên.

**-Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Tô Thị Lành.

Ông Ngô Xuân Dệt.

**Thư K Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư K Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát** nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham phiên tòa bà Trần Thị Thắng Trinh – KSV.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về *“Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/5/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh ĐVT– sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**Bị đơn:** Chị NTK– sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn ĐB, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 12 năm 2021 bản tự khai và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện:*

Về hôn nhân: Anh ĐVT và chị NTK tự nguyện chung sống với nhau, có đăng K kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã IK, huyện IG (CP cũ), tỉnh Gia Lai ngày 23/10/1992. Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian từ năm 2017 giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, do đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được, chị NTK đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2018 không ai biết chị K đi đâu, nên tháng 5/2021 anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tuyên bố một người mất tích. Tòa án nhân dân thành phố P đã tuyên bố chị NTK mất tích tại Quyết định số: 08/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị NTK.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có bốn con chung: ĐVH, sinh năm 1993; ĐVH, sinh năm: 1995; ĐVH, sinh năm: 1997 và ĐTDC, sinh ngày 31/7/2005 hiện tại cháu C đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn chị NT K:*

Trên cơ sở quyết định tuyên bố một người mất tích của Tòa án nhân dân thành phố P đã tuyên bố chị NTK mất tích tại Quyết định số: 08/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đối với chị NTK.

Tuy nhiên chị NTK đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên không đến Tòa án làm việc, không có lời trình bày về nội dung vụ án.

*Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư K là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm đối với nguyên đơn. Riêng bị đơn chị NTK đã tuyên bố mất tích nên không có mặt tại Tòa án để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố P theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh ĐVT cho ly hôn giữa anh ĐVT và chị Nguyễn Thị K.

- Giao con chung là cháu ĐTDC, sinh ngày 31/7/2005 cho anh T nuôi con. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí DSST: Tòa án buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố P – tỉnh Gia Lai, giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, đối với bị đơn chị NTK có nơi cư trú tại thôn ĐB, xã BH, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh ĐVT và chị NTK tự nguyện chung sống với nhau, có đăng K kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã IS, huyện IG(CP cũ), tỉnh Gia Lai ngày 23/10/1992. Do đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn cuộc sống của hai vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, yêu thương nhau. Nhưng thời gian từ năm 2017 giữa anh, chị phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, do đó tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau mục đích hôn nhân không đạt được, chị NTK đã bỏ nhà đi từ tháng 3/2018 không ai biết chị K đi đâu, nên tháng 5/2021 anh T đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tuyên bố một người mất tích. Tòa án nhân dân thành phố P đã tuyên bố chị NTK mất tích tại Quyết định số: 08/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021.

Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị NTK.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu ly hôn với chị K, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ mà chị K có hộ khẩu thường trú, thường xuyên sinh sống để tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị K biết để đến tòa án và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng chị K vẫn không chấp hành. Cho nên đến tại thời điểm này anh T xác định không còn tình cảm với nhau nữa, không còn muốn yêu thương chăm sóc lẫn nhau, do đó mà mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh ĐVT đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị K, xét yêu cầu này của anh T là chính đáng, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có bốn con chung: ĐVH, sinh năm 1993; ĐVH, sinh năm: 1995; ĐVH, sinh năm: 1997 và ĐTDC, sinh ngày 31/7/2005 hiện tại cháu H, H, H đã trưởng thành và tự lập được, riêng cháu ĐTDC đang ở cùng anh T. Ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này của anh T phù hợp với nguyện vọng của cháu C cũng muốn ở với anh T. Như vậy yêu cầu của anh T chính đáng nên cần chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu này phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nên giao con chung là cháu ĐTDC cho anh T nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị K có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh ĐVT là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

2. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh ĐVT.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh ĐVT và chị NTK.  
- Về con chung: Giao con chung cháu ĐTDC cho anh ĐVT trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh ĐVT phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001203 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 30/6/2022). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA-DS TP.P;
- Các đương sự;
- UBND xã BH, TP.P;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Trần Thị Tố Uyên